

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp trực tiếp)
QUÝ 2 - NĂM 2013

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này		Lũy kế từ đầu năm đến quý này	
			Quý 2/2013	Quý 2/2012	Năm 2013	Năm 2012
1	2	3	4			5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh						
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		229.623.019.650	206.430.764.736	461.496.333.734	411.902.144.721
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(211.687.061.648)	(189.421.956.125)	(430.006.109.299)	(383.640.157.724)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(10.274.245.164)	(9.173.131.523)	(26.472.697.599)	(22.112.096.344)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		0	(17.083.333)	(11.980.000)	(44.994.444)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(2.185.619.509)	(1.743.654.421)	(4.654.702.456)	(5.327.934.828)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		7.530.390.477	8.154.991.335	20.795.892.291	15.433.235.259
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(11.336.802.626)	(8.898.954.170)	(21.548.689.668)	(17.150.622.424)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1.669.681.180	5.330.976.499	(401.952.997)	(940.425.784)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư						
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(7.457.041)	(10.090.909)	(7.859.164.495)	(10.090.909)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22			0		0
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(16.200.000.000)	(11.200.000.000)	(22.200.000.000)	(14.200.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		0	3.000.000.000	0	3.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		0	0	0	0
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		6.000.000.000	0	6.000.000.000	0
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		413.984.900	1.152.572.990	726.359.100	2.097.821.719
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(9.793.472.141)	(7.057.517.919)	(23.332.805.395)	(9.112.269.190)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính						
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		0	0	0	0
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp phát hành	32		0	0	0	0
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		3.000.000.000	3.900.000.000	7.000.000.000	15.900.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		0	(3.900.000.000)	(4.000.000.000)	(15.900.000.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		0	0	0	0
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.959.251.500)	(3.183.715.500)	(1.959.251.500)	(5.747.740.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		1.040.748.500	(3.183.715.500)	1.040.748.500	(5.747.740.500)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(7.083.042.461)	(4.910.256.920)	(22.694.009.892)	(15.800.435.474)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		38.667.447.869	35.718.555.207	54.278.415.300	46.608.733.761
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61					
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	VII.34	31.584.405.408	30.808.298.287	31.584.405.408	30.808.298.287

Người lập biểu



Võ Thị Kim Ngân

Kế toán trưởng



Lê Thị Mộng Điệp

